

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HẢI - LONG AN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hải - Long An (gọi tắt là Công ty) xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch Công ty cho năm 2017 như sau:

2. Thành viên HĐQT Công ty và Ban Giám đốc
Thành viên HĐQT Công ty và Ban Giám đốc năm 2017 như sau (theo Quyết định HĐQT số 10/2017/QĐ-HĐQT):

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01- 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
1. Bảng cân đối kế toán	04 - 07
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

3. Bảng giá hợp đồng kinh doanh
Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2017 được thể hiện như sau (theo Quyết định HĐQT số 10/2017/QĐ-HĐQT):

Kết quả hoạt động kinh doanh	51.102.948.071 đồng
Danh mục đầu tư	307.471.000 đồng

4. Trách nhiệm của Ban Giám đốc
Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc Công ty kiểm tra, đánh giá và chấp thuận. Trong việc lập báo cáo tài chính năm 2017, Ban Giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật.

- Lưu chi nhánh của Công ty và các chi nhánh khác của Công ty đã được kiểm tra và chấp thuận.
- Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật và các quy định của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Chức danh

Ông Phạm Văn Tiến

Chủ tịch

Ông Nguyễn Trọng Toán

Ủy viên

Ông Trần Văn Sỹ

Ủy viên

Ông Vũ Xuân Mạch

Ủy viên

Ông Nguyễn Hữu Hiếu

Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên

Chức danh

Ông Phạm Văn Tiến

Tổng Giám đốc

Ông La Vĩnh Nhơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Xuân Mạch

Kế toán trưởng

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 04 đến trang 28 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần

51.140.746.421 đồng

Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán

507.477.046 đồng

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ❖ Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.
- ❖ Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

4. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định soát xét báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 cho Công ty.

5. Ý kiến của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính. Cho đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN TIẾN

Ngày tháng năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An

Công ty TNHH Kiểm Toán Việt Nhất đã soát xét các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 20/07/2011 từ trang 04 đến trang 28 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASC) đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2010 và kiểm toán báo cáo tài chính cả năm 2010 cho Công ty. Các báo cáo được phát hành với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN



PHAN THỊ THỦY TIÊN

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV



NGUYỄN NHÂN BÀO

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.470.545.722	48.389.449.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.950.426.397	1.696.514.381
1. Tiền	111	4.1	1.950.426.397	1.696.514.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	37.363.583.224	39.061.850.177
1. Phải thu khách hàng	131		38.628.548.570	41.797.183.022
2. Trả trước cho người bán	132		1.122.795.740	65.841.841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		615.780.477	202.366.877
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.003.541.563)	(3.003.541.563)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	6.156.689.616	3.412.871.206
1. Hàng tồn kho	141		6.156.689.616	3.412.871.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	3.999.846.485	4.218.214.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.935.919.641	2.528.599.906
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	19.399.285
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.063.926.844	1.670.214.958

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.133.348.110	26.899.176.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.431.436.110	19.289.264.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	10.473.255.348	12.900.583.112
- Nguyên giá	222		20.459.783.222	23.037.863.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.986.527.874)	(10.137.280.079)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.6	3.639.115.551	4.043.559.333
- Nguyên giá	225		5.869.605.642	5.869.605.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.230.490.091)	(1.826.046.309)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.319.065.211	2.345.122.125
- Nguyên giá	228		2.605.691.260	2.605.691.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(286.626.049)	(260.569.135)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.898.995.340	6.926.995.340
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	4.8	6.898.995.340	6.926.995.340
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.802.916.660	682.916.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	4.9	1.802.916.660	682.916.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.603.893.832	75.288.626.483

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.626.512.654	42.684.150.638
I. Nợ ngắn hạn	310		40.282.600.975	41.340.238.959
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	19.359.635.698	23.418.890.981
2. Phải trả người bán	312	4.11	18.986.696.503	16.324.883.935
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	1.086.353.000	928.118.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	359.019.440	479.368.462
5. Phải trả người lao động	315	4.11	239.924.000	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	720.583.777	693.322.950
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	(469.611.443)	(504.345.369)
II. Nợ dài hạn	330		1.343.911.679	1.343.911.679
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.13	1.343.911.679	1.343.911.679
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.977.381.178	32.604.475.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	32.977.381.178	32.604.475.845
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.482.700.000	27.482.700.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.069.196.712	2.027.762.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.155.216.437	1.134.499.474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.270.268.029	1.959.513.585
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.603.893.832	75.288.626.483

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	51.140.746.421	50.805.678.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	51.140.746.421	50.805.678.339
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	47.462.156.961	48.453.428.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.678.589.460	2.352.250.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	653.480.447	2.343.988.338
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.891.044.840	1.512.283.221
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.891.044.840	1.512.283.221
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	427.000.061	297.014.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	2.220.005.668	1.992.605.599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(205.980.662)	894.335.575
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.271.217.169	419.809.397
12. Chi phí khác	32	5.8	1.557.759.461	91.557.826
13. Lợi nhuận khác	40		713.457.708	328.251.571
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		507.477.046	1.222.587.146
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	93.137.787	123.366.738
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		414.339.259	1.099.220.408
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		151	400

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch
Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tiến
Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Lập theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

Chỉ tiêu		Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I.	Lưu chuyển từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01	61.745.259.155	55.042.854.297
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.586.916.694)	(52.240.637.933)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.676.000.698)	(3.173.439.547)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.852.815.840)	(1.512.283.221)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(313.570.595)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.816.195.938	2.518.451.672
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.919.303.697)	(3.870.014.159)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.526.418.164	(3.548.639.486)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.942.850.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	28.000.000	4.943.800.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	615.251.447	34.288.338
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	643.251.447	3.035.238.338
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	325.000.000	43.470.939.453
4.	Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34	(40.634.561.458)	(40.890.368.047)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(606.196.137)	(729.511.300)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.683.670.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.915.757.595)	(832.609.894)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	253.912.016	(1.346.011.042)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.696.514.381	3.334.787.155
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.950.426.397	1.988.776.113

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1100682291 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 14/09/2005 và chứng nhận thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 08/12/2010.

Vốn điều lệ: 27.482.700.000 đồng tương đương 2.248.270 cổ phần

Trụ sở đặt tại Đường 20, Khu công nghiệp Hoàng Gia Long An, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Công ty có 2 chi nhánh:

- Nhà máy bê tông Hồng Hà – Long An 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5013000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18/01/2007, đặt tại ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Nhà máy bê tông Hồng Hà – Long An 3 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5013000169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 19/07/2007, đặt tại Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, xã Lợi Bình Nhơn, thị xã Tân An, tỉnh Long An.

1.2 Ngành nghề hoạt động

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn thủy sản
- Bán buôn gạo
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh
- Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình, giao thông thủy lợi, cấp thoát nước. Xử lý môi trường. Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu. Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản. Kinh doanh bất động sản. Cung cấp, lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hoá chất. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 06

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 15, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An có diện tích 10.029 m² đến ngày 18/10/2054 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 071894 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An cấp ngày 07/10/2005. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

3.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	Năm sử dụng
Máy móc thiết bị	08
Phương tiện vận tải	06 – 10

3.8 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.9 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước có thời hạn trong 12 tháng hoặc chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 12 tháng.

3.10 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.12 Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các khoản sai biệt giữa số liệu thuế theo số dự kiến phải nộp và số xác định lại của cơ quan thuế (nếu có) sẽ được công ty điều chỉnh sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Tiền mặt tại quỹ	288.007.141	310.227.352
Tiền gửi ngân hàng	1.662.419.256	1.386.287.029
Cộng	<u>1.950.426.397</u>	<u>1.696.514.381</u>

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Phải thu khách hàng	38.628.548.570 (a)	41.797.183.022
Trả trước cho người bán	1.122.795.740 (b)	65.841.841
Các khoản phải thu khác	615.780.477 (c)	202.366.877
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.003.541.563) (d)	(3.003.541.563)
Cộng	<u>37.363.583.224</u>	<u>39.061.850.177</u>

(a) Phải thu khách hàng chủ yếu phải thu các khách hàng sau:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Số 10 IDI	2.084.317.974
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	1.575.213.412
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại	1.153.654.038
Doanh Nghiệp Tư Nhân Đức Tịnh	962.330.000
Công ty Cổ Phần XD Và Phát Triển Cơ Sở Hạ Tầng	927.581.000
Công ty Cổ Phần Ga Thành Tài	814.000.000
CN Công ty Cổ Phần Địa Ốc - Cáp Điện Thịnh	802.143.787
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 8	791.135.649
Công ty CP XL - TM Chánh Phúc	765.845.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng CHOLIM	763.105.000
Công ty TNHH DV TK XD SUNGHWAN (Việt Nam)	751.991.050
Công ty Cổ Phần Thép Cẩm Nguyên	644.065.000
Công ty CP XLVà VT Xây Dựng 2	634.080.000
Công ty CP TM-DV-MM-XNK Ngân Thanh	607.797.500

(b) Trả trước cho người bán chủ yếu trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Công ty TNHH Thiết bị & Hoá chất Nhật Minh	523.993.388
MACH GROUP (1992) CO., LTD.	204.381.450
Sea – Ocean Seafood LTD	374.940.000
Công ty TNHH Châu Luân	14.000.000

(c) Phải thu khác chủ yếu bao gồm:

Thuế GTGT đầu vào của thuế tài chính trả trước một lần	113.525.948
Phải thu nhân viên tiền thuế thu nhập cá nhân	44.289.495
Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm xã hội	15.083.659
Phải thu phần tạm ứng nhân viên đã nghỉ việc	420.007.560

(d) Dự phòng các khoản nợ khó đòi chủ yếu bao gồm:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Số 10 IDICO	625.295.392
Công ty CP TM-DV-MM-XNK Ngân Thanh	182.339.250
Xí nghiệp Xây Dựng Số 9	164.391.501
Công ty TNHH Xây Dựng & Sản Xuất Cơ Khí Nghiệp Thành	152.785.000
Công ty CP Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư XD An Cư	146.092.250
Công ty TNHH Đầu Tư - Xây Dựng Quang Thọ	134.838.500
Công ty TNHH TV-TK KT-TM-DV Đức Việt Cát	131.810.000
Công ty TNHH TM XD Tấn Thành	124.659.000

4.3 Hàng tồn kho

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Hàng mua đang đi đường	102.016.999	96.143.999
Nguyên vật liệu	2.536.470.659	1.706.812.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.518.201.958 (*)	1.609.915.185
Cộng	<u>6.156.689.616</u>	<u>3.412.871.206</u>

(*) Trong đó:

- Chi phí lắp đặt trạm bê tông 30 m³/h cho Công ty CP ĐT&XD Công Nghệ 10 theo HĐ số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006 chưa được duyệt quyết toán là 534.504.117.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phần còn lại 2.983.697.841 là giá trị bê tông đã xuất bán cho khách hàng vào thời điểm cuối kỳ nhưng chưa được khách hàng xác nhận và chấp nhận thanh toán. Công ty treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng, Công ty sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn.

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.935.919.641 (*)	2.528.599.906
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	19.399.285
Tạm ứng cho nhân viên	1.063.926.844	1.670.214.958
Cộng	<u>3.999.846.485</u>	<u>4.218.214.149</u>

(*) Trong đó:

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.457.593.362	402.574.885
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	256.683.120	72.511.741
Chi phí mua bảo hiểm xe, cân xe	127.099.004	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.544.155	2.053.513.280
Cộng	<u>2.935.919.641</u>	<u>2.528.599.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
Tăng trong kỳ			47.319.816			47.319.816
- Mua sắm			47.319.816			47.319.816
Giảm trong kỳ			2.625.399.785			2.625.399.785
- Thanh lý			2.625.399.785			2.625.399.785
Số dư cuối kỳ	4.438.855.154	6.083.354.027	9.575.815.001	169.365.703	192.393.337	20.459.783.222
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.821.212.013	2.552.833.786	5.562.640.467	142.875.841	57.717.972	10.137.280.079
Tăng trong kỳ	217.423.446	389.973.222	593.652.450	9.539.526	9.619.662	1.220.208.306
- Khấu hao	217.423.446	389.973.222	593.652.450	9.539.526	9.619.662	1.220.208.306
Giảm trong kỳ			1.370.960.511			1.370.960.511
- Thanh lý			1.370.960.511			1.370.960.511
Số dư cuối kỳ	2.038.635.459	2.942.807.008	4.785.332.406	152.415.367	67.337.634	9.986.527.874
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	2.617.643.141	3.530.520.241	6.591.254.503	26.489.862	134.675.365	12.900.583.112
Số dư cuối kỳ	2.400.219.695	3.140.547.019	4.790.482.595	16.950.336	125.055.703	10.473.255.348

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HÔNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	137.861.818
Thiết bị quản lý	68.046.483
Cộng	205.908.301

Nguyên giá TSCĐ cầm cố, thế chấp:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3.148.588.700
Máy móc, thiết bị	3.829.253.127
Phương tiện vận tải	4.049.029.612
Thiết bị quản lý	121.084.435
Cộng	11.147.955.874

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.086.595.861	4.783.009.781	5.869.605.642
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.086.595.861	4.783.009.781	5.869.605.642
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	101.868.363	1.724.177.946	1.826.046.309
Tăng trong kỳ	67.912.242	336.531.540	404.443.782
- Khấu hao	67.912.242	336.531.540	404.443.782
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	169.780.605	2.060.709.486	2.230.490.091
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	984.727.498	3.058.831.835	4.043.559.333
Số dư cuối kỳ	(a) 916.815.256	(b) 2.722.300.295	3.639.115.551

(a) Căn cứ theo Hợp đồng thuê tài chính số B071008502 ngày 20/11/2007 với Công ty Cho Thuê TC Quốc Tế Chailease,

Tài sản thuê : Nồi trộn bê tông

Thời gian thuê: 66 tháng

Điều kiện mua lại tài sản thuê với giá: 36.600.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Căn cứ theo Hợp đồng thuê tài chính số 2469-07415 ngày 13/09/2007 và số 2010-00013-000 ngày 02/02/2010 với Công ty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam

Tài sản thuê: xe trộn bê tông và nổi trộn dùng cho trạm trộn bê tông,

Thời gian thuê: lần lượt là 60 tháng và 36 tháng.

Công ty được quyền mua lại tài sản với giá trị 1% giá mua.

4.7 Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất (*)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	2.605.691.260			2.605.691.260
Hao mòn lũy kế	260.569.135	26.056.914		286.626.049
Giá trị còn lại	2.345.122.125			2.319.065.211

(*) Quyền sử dụng đất này được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh TP.HCM (xem thêm mục 4.10 (b)).

4.8 Đầu tư dài hạn khác

Tên cổ phiếu	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Địa Ốc Tân Kỳ	33	145.340	33	145.340
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà	629.685	6.296.850.000	629.685	6.296.850.000
Cổ phiếu Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu	60.200	602.000.000	63.000	630.000.000
Cộng		6.898.995.340		6.926.995.340

4.9 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
Ký quỹ vay vốn NH Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh TP.HCM	1.120.000.000	-
Ký quỹ thuê đất xây dựng nhà xưởng Công ty TNHH XDTM Hoàng Tuấn	72.000.000	-
Ký quỹ thuê tài chính Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease	187.626.715	187.626.715
Ký quỹ thuê tài chính Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	423.289.945	423.289.945
Cộng	1.802.916.660	682.916.660

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.10 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	18.600.641.219	21.740.000.000
<i>Vay cá nhân</i>	325.000.000 (a)	240.000.000
<i>Vay Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Hồng Hà</i>	-	1.500.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	18.275.641.219 (b)	20.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	758.994.479 (c)	1.678.890.981
Cộng	19.359.635.698	23.418.890.981

(a) Là khoản vay ngắn hạn Ông Phạm Văn Tiến – Tổng Giám đốc theo nhiều hợp đồng vay vốn cá nhân. Thời hạn và lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động.

(b) Là các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các hợp đồng vay sau đây:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2010/0000490 ngày 20/05/2010 với hạn mức tối đa là 20.000.000.000, thời gian vay và lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán. Dư nợ đến ngày 30/06/2011 là 12.340.293.525 đồng.
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2011/0000648 ngày 17/06/2011 với hạn mức tối đa là 14.000.000.000, thời gian vay và lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC cho hoạt động sản xuất bê tông. Dư nợ đến ngày 30/06/2011 là 5.935.347.694 đồng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Thế chấp quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 02/2005/1007218 ngày 02/12/2005.
- Thế chấp tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng nhà máy bê tông số 1 tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 72/2008/1007218 ngày 16/09/2008.
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 42/2006/1007218 ngày 14/08/2006.
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 39/2006/1007218 ngày 30/05/2007.
- Thế chấp tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng nhà máy bê tông số 2 tại xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 26/2007/1007218 ngày 08/05/2007.
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 38/2007/1007218 ngày 30/05/2007.
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 115/2007/1007218 ngày 15/11/2007.
- Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 75/2008/1007218 ngày 23/09/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thẻ chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 43/2008/1007218 ngày 17/06/2008.
- Thẻ chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 71/2007/1007218 ngày 02/08/2007
- Cầm cố số dư tiền gửi theo hợp đồng cầm cố tài sản số 087/2011/1007218 ngày 15/04/2011.
- Cầm cố 280.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hồng Hà.
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

(c) Bao gồm: (xem thêm mục 4.13)

Nợ đến hạn trả vay dài hạn Ngân hàng ĐT & PT – CN TP.HCM	308.000.000
Nợ đến hạn trả thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê TC Quốc Tế Chailease	170.690.472
Nợ đến hạn trả thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê TC Quốc tế Việt Nam	280.304.007

4.11 Nợ ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Phải trả người bán	18.986.696.503 (a)	16.324.883.935
Người mua trả tiền trước	1.086.353.000 (b)	928.118.000
Phải trả người lao động	239.924.000	
Phải trả, phải nộp khác	720.583.777 (c)	693.322.950
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(469.611.443) (d)	(504.345.369)
Cộng	<u>20.584.166.725</u>	<u>17.441.979.516</u>

(a) Phải trả người bán chủ yếu phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng & Trang Trí Nội Thất TP HCM	7.731.356.975
DNTN TM DV XD Toàn Thịnh	3.706.817.000
Công ty CP ĐT XD Hưng Quốc Thịnh	2.693.876.960
Công ty TNHH TM-XD-SX Phương Nga	1.281.236.615
Công ty CP Vận Tải & Dịch Vụ PETROLIMEX Sài Gòn	818.600.611
Công ty CP TM & DV Cá Voi Xanh	519.970.000
DNTN Thiện Hải	460.409.605
Công ty TNHH BASF Việt Nam	403.874.650
DNTN TM Phú Thành	401.635.869
DNTN Thiên Quân	227.722.700
Công ty TNHH MTV Petro Việt Nam	130.795.927

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Người mua trả tiền trước chủ yếu là các khoản ứng trước của các khách hàng sau:

Công ty CPĐT&XD Công Nghệ 10	620.000.000
Công ty TNHH XD TM DV & TV ĐT XNK Hoàng Phúc	290.000.000
Công ty TNHH DV - TM - XD Nguyễn Hoàng	131.000.000

(c) Các khoản phải trả khác chủ yếu bao gồm:

Kinh phí công đoàn	403.398.041
BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	56.467.554
Nhận ký quỹ thế chân của nhân viên lái xe	103.000.000
Cổ tức năm 2010 còn phải trả cho cổ đông	60.460.000

(d) Tình hình biến động quỹ khen thưởng phúc lợi:

	30/06/2011	01/01/2011
Số dư đầu kỳ	(504.345.369)	(273.740.399)
Tăng trong kỳ	41.433.926	-
Giảm trong kỳ	6.700.000	230.604.970
Số dư cuối kỳ	(469.611.443)	(504.345.369)

4.12 Thuế và các khoản phải nộp

	30/06/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	167.117.120	382.774.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	73.738.502	-
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	118.163.818	96.594.388
Cộng	359.019.440	479.368.462

4.13 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
Vay dài hạn	70.005.012 (a)	70.005.012
Nợ dài hạn	1.273.906.667 (b)	1.273.906.667
Cộng	1.343.911.679	1.343.911.679

(a) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 00310/2007/0003110 ngày 18/12/2007 với mục đích thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng "Nhà máy trộn bê tông Hồng Hà - Long An 3", đáo hạn vào ngày 02/01/2012. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay tham gia đầu tư dự án trừ tài sản thuê mua tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Bao gồm:

Thời hạn	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010		
	Tổng thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc thuê	Tổng thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc thuê
Thời hạn 1 năm trở xuống	-	-	-	661.564.660	171.949.360	489.615.300
Trên 1 năm đến 5 năm	1.273.906.667	336.311.360	937.595.307	3.015.340.322	895.855.384	2.119.484.938
Trên 5 năm						

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì vốn điều lệ là 27.482.700.000 đồng bao gồm của các cổ đông sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Nguyễn Văn Nam	130.000	1.300.000.000	4,7%
Phạm Văn Tiến	75.000	750.000.000	2,7%
Trần Huy Thông	65.000	650.000.000	2,4%
Nguyễn Duy Khương	26.000	260.000.000	0,9%
Nguyễn Văn Thanh	100.500	1.005.000.000	3,7%
Nguyễn Trọng Toán	65.000	650.000.000	2,4%
Phạm Tuấn Cường	39.000	390.000.000	1,4%
Đinh Thị Sơn	39.000	390.000.000	1,4%
Trần Văn Sỹ	65.000	650.000.000	2,4%
Trần Văn Sâm	45.500	455.000.000	1,7%
Cổ đông khác	2.098.270	20.982.700.000	76,3%
Tổng cộng	2.748.270	27.482.700.000	100%

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	4.857.353.795	35.502.316.055
Tăng trong năm trước		91.915.951	45.957.976	167.358.219	305.232.146
Lãi trong năm				167.228.219	167.228.219
Khác		91.915.951	45.957.976	130.000	138.003.927
Giảm trong năm trước		(91.915.951)	(45.957.976)	(3.065.198.429)	(3.203.072.356)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư cuối năm trước	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	1.959.513.585	32.604.475.845
Số dư đầu năm nay	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	1.959.513.585	32.604.475.845
Tăng trong kỳ		41.433.926	20.716.963	414.339.259	476.490.148
Giảm trong kỳ				103.584.815	103.584.815
Phân phối quỹ				103.584.815	103.584.815
Số dư cuối kỳ	27.482.700.000	2.069.196.712	1.155.216.437	2.270.268.029	32.977.381.178

Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu bán hàng	51.140.746.421	50.805.678.339
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	51.140.746.421	50.805.678.339

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Giá vốn hàng bán	47.462.156.961	48.453.428.055
Cộng	47.462.156.961	48.453.428.055

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.795.447	34.288.338
Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán	-	2.309.700.000
Cổ tức được chia	629.685.000	-
Cộng	<u>653.480.447</u>	<u>2.343.988.338</u>

5.4 Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Lãi vay ngân hàng	1.694.584.864	1.305.898.439
Lãi vay thuê tài chính	142.992.619	171.949.360
Lãi vay cá nhân	53.467.357	34.435.422
Cộng	<u>1.891.044.840</u>	<u>1.512.283.221</u>

5.5 Chi phí bán hàng

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	292.433.158	285.888.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	635.403	2.894.222
Chi phí bằng tiền khác	133.931.500	8.232.000
Cộng	<u>427.000.061</u>	<u>297.014.227</u>

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Chi phí lương nhân viên	1.051.677.568	735.263.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.025.310	426.787.404
Chi phí bằng tiền khác	791.302.790	830.554.736
Cộng	<u>2.220.005.668</u>	<u>1.992.605.599</u>

5.7 Thu nhập khác

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Thanh lý tài sản cố định	2.099.999.999	-
Xử lý công nợ	150.005.658	101.758.997
Chiết khấu được hưởng	-	280.391.100
Thu nhập khác	21.211.512	37.659.300
Cộng	<u>2.271.217.169</u>	<u>419.809.397</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Chi phí thanh lý TSCĐ	1.254.439.274	-
Chi phí khác	303.320.187	91.557.826
Cộng	1.557.759.461	91.557.826

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Nhà máy 1 (trụ sở chính)	Nhà máy 2	Nhà máy 3	Cộng
Lợi nhuận trước thuế	258.813.294	167.467.425	81.196.327	507.477.046
Các khoản điều chỉnh tăng	154.144.695	-	-	154.144.695
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>154.144.695</i>			<i>154.144.695</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	412.957.989	167.467.425	81.196.327	661.621.741
Thuế suất thuế TNDN	7,5%	25%	25%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.971.849	41.866.856	20.299.082	93.137.787

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Trụ sở chính: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% áp dụng trong 11 (mười một) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 03 (ba) năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2006 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% cho 08 (tám) năm tiếp theo.
- Chi nhánh 2: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm 2007, giảm 50% trong 02 (hai) năm từ năm 2008.
- Chi nhánh 3: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm 2008, giảm 50% từ năm 2009.

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

6.2 Các bên liên quan

Các bên coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ – LONG AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.3 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc

		Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lương		227.878.000

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn (xem thêm mục 4.10)	325.000.000	80.000.000
Tổng cộng	325.000.000	80.000.000

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tiến